



UNIT 1: TOWNS AND CITIES



THEORY

► GRAMMAR (NGŨ PHÁP)

1. There is/ there isn't và There are/ there aren't (có.../ không có....)

a. Chức năng

✚ Dùng để giới thiệu rằng có cái gì, ai đó ở đâu trong hiện tại

There is/ There are... có nghĩa là có nhưng không có ý sở hữu, không thuộc về ai, chỉ là có,...

(+) **Thể khẳng định:** **There is + a/an + Danh từ số ít.**

Ex: There is a swimming pool on the ship. (Có một bể bơi trên tàu.)

There are + some + danh từ số nhiều.

Ex: There are some students in my class. (Có vài học sinh trong lớp tôi.)

(-) **Thể phủ định:** **There + isn't + a/an + N (isn't = is not)**

Ex: There isn't a buffalo in the rice field.

(Không có một con trâu nào trên cánh đồng lúa.)

There + aren't + any + Ns..... (aren't = are not)

Ex: There aren't any apples in my bags.

(Không có bất kỳ quả táo nào trong túi của tôi.)

(?) **Thể nghi vấn:** **Is + there + a/an + N số ít....?**

Ex: Is there a school on the ship?

(Có phải có một ngôi trường trên tàu không?)

Are + there + any + Ns.....?

Ex: Are there any students in your class?

(Có học sinh nào trong lớp bạn không?)

✚ Dùng để hỏi về số lượng hoặc vật

✚ Cấu trúc

How many + Nouns + are there.....?

✚ Trả lời

- Nếu có 1 ta trả lời: There is one.
- Nếu có từ 2 trở lên, ta trả lời: There are + số lượng

Ví dụ

How many people are there in your classroom?

There are forty-seven people.

How many people are there in her family?

There are four people.

b. Cách thêm đuôi "s" vào danh từ số nhiều

Chỉ những danh từ đếm được mới có dạng số nhiều. Để chuyển danh từ từ số ít sang số nhiều ta làm như sau:

Thêm "s" vào cuối hầu hết các danh từ	a flower – flowers a book – books an apple – apples
Danh từ có tận cùng bằng "s, sh, ss, ch, x, o" ta thêm "es" vào cuối danh từ đó	Tomato- tomatoes Bus – buses Box- boxes
Danh từ gốc nước ngoài hoặc danh từ tóm lược tận cùng bằng "o" thì chỉ thêm "s"	Radio – radios Photo – photos Piano – pianos
Danh từ tận cùng bằng + "y" thì bỏ "y" và thêm "ies"	Baby- babies Country – countries Fly- flies
Danh từ tận cùng bằng nguyên âm + "y" thì thêm "s" như bình thường	Boy – boys Day – days Monkey – monkeys
Danh từ tận cùng bằng "f" hoặc "fe" thì bỏ "f"/ "fe" rồi thêm "ves"	Knife- knives Leaf- leaves Life – lives Shelf – shelves Wife – wives Wolf – wolves

c. Các dạng đặc biệt của danh từ số nhiều

Để không bị nhầm lẫn khi làm dạng bài tập *There is/ There are...*, các em cần lưu ý dạng đặc biệt của một vài danh từ đếm được số nhiều dưới đây:

Danh từ số ít	Dạng số nhiều	Danh từ	Dạng số nhiều
A man	Men	A tooth	Teeth
A woman	Women	A child	Children
A person	People	A mouse	Mice
A foot	feet	A goose	Geese

Ngoài ra, có một vài danh từ có dạng số nhiều và số ít giống nhau như sau:

Danh từ số ít	Dạng số nhiều
A sheep	Sheep
A deer	Deer
A moose	Moose
A fish	Fish